

**HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG**  
**KHOA AN TOÀN THÔNG TIN**



**BÁO CÁO BÀI THỰC HÀNH SỐ 2**

**Môn học: HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS VÀ LINUX/UNIX**

**Quản trị Active Directory trong Windows Server**

Giảng viên hướng dẫn	: Nguyễn Hoa Cương
Sinh viên	: Bùi Thị Quỳnh Chi
Mã sinh viên	: B21DCAT045
Nhóm môn học	: 04

Hà Nội – 2023

# **1 GIỚI THIỆU BÀI THỰC HÀNH**

## **1.1 Mục đích**

- Giúp sinh viên hiểu được cách quản trị một nhóm người dùng trong mạng Lan nội bộ.

## **1.2 Yêu cầu**

- Sinh viên đã nắm được nội dung lý thuyết.
- Biết cách cấu hình cơ bản: tạo user, password, phân quyền

## **1.3 Thời gian thực hiện**

- 2 tiết.

## **1.4 Nhóm thực hành**

- 1 sinh viên.

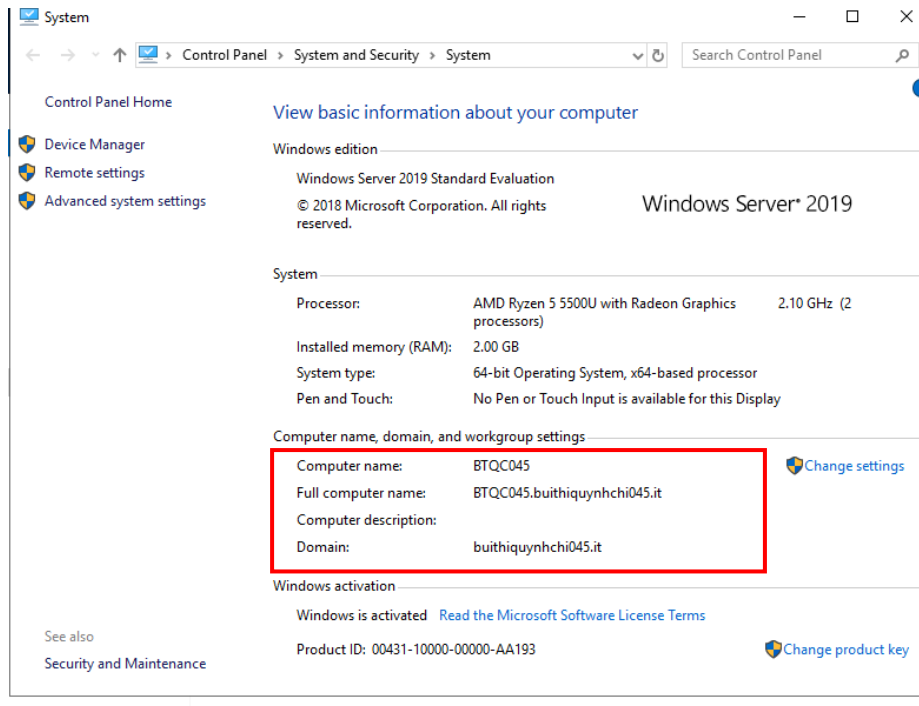
# **2 CƠ SỞ LÝ THUYẾT**

Tham khảo chương 2 trong tài liệu “Phạm Hoàng Duy, Bài giảng Hệ điều hành Windows và Linux/Unix, Học viện Công Nghệ Bưu Chính Viễn Thông, 2016”.

## 3 NỘI DUNG THỰC HÀNH

### 3.1 Chuẩn bị môi trường

- 1 máy Windows Server đã nâng cấp thành Domain Controller



- 1 máy Windows 7 làm client

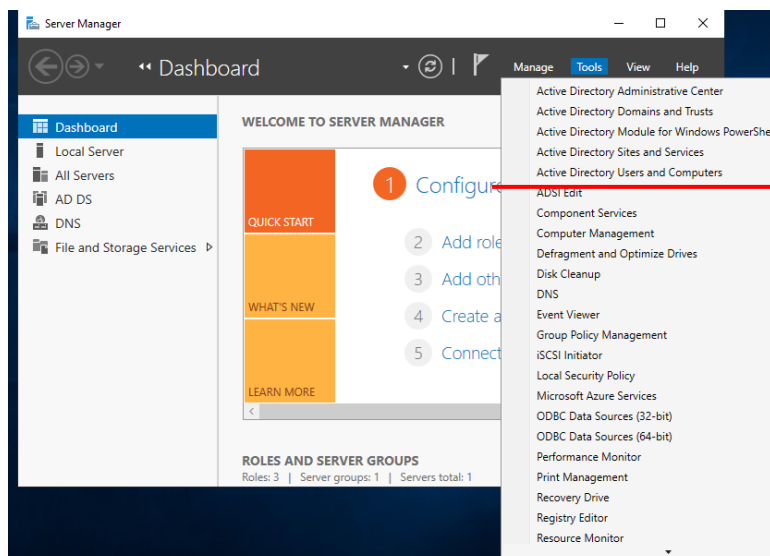
### 3.2 Các bước thực hiện

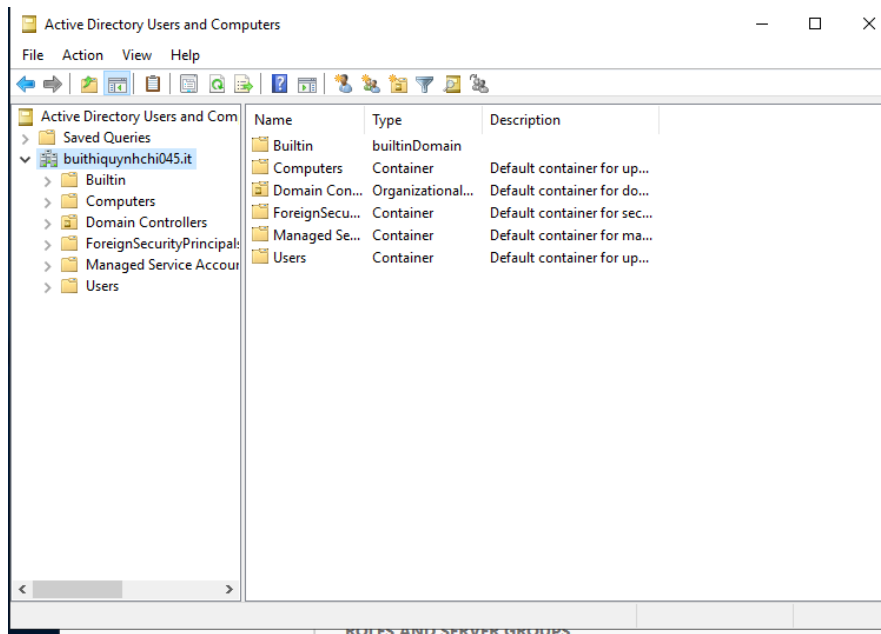
✓ OU: được dùng trong việc quản lý tập trung các client thuộc cùng một domain.

✓ Tạo OU:

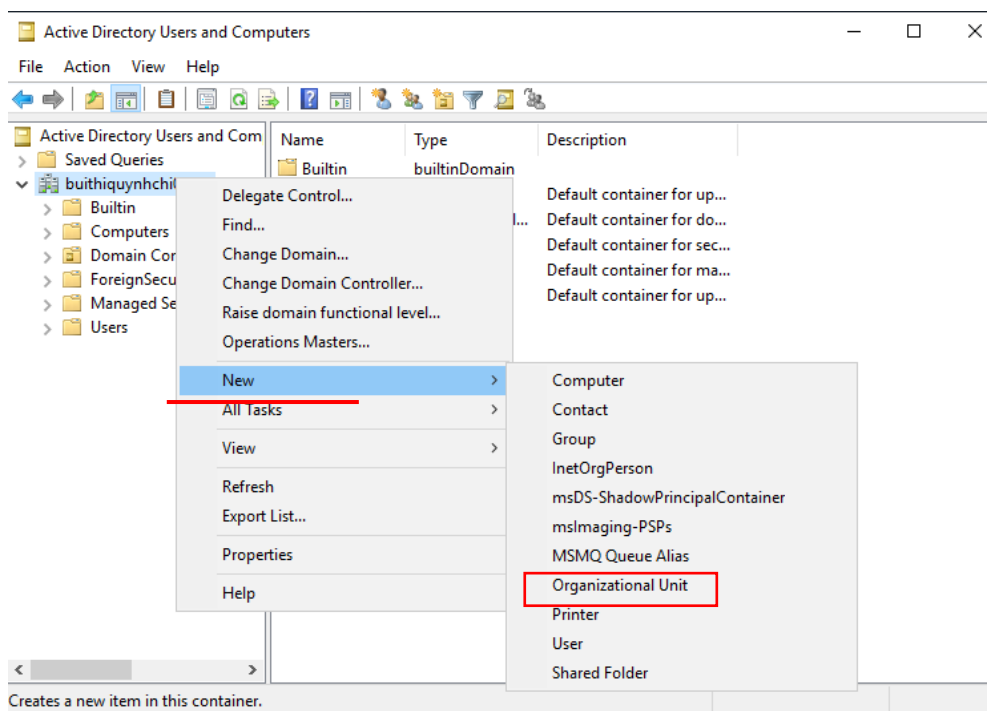
Mở Server Manager chọn Tools

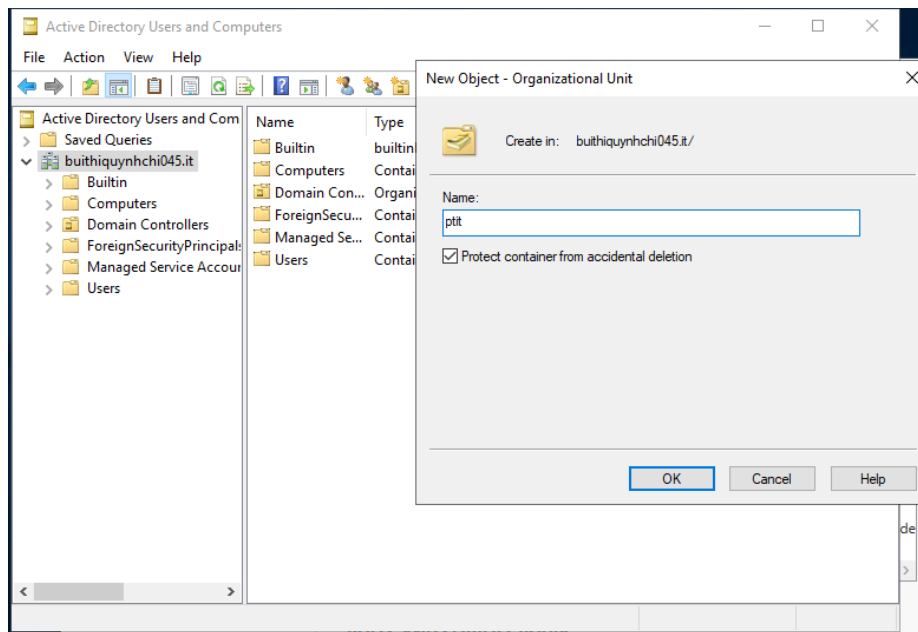
Sau đó chọn Active Directory Users and Computers



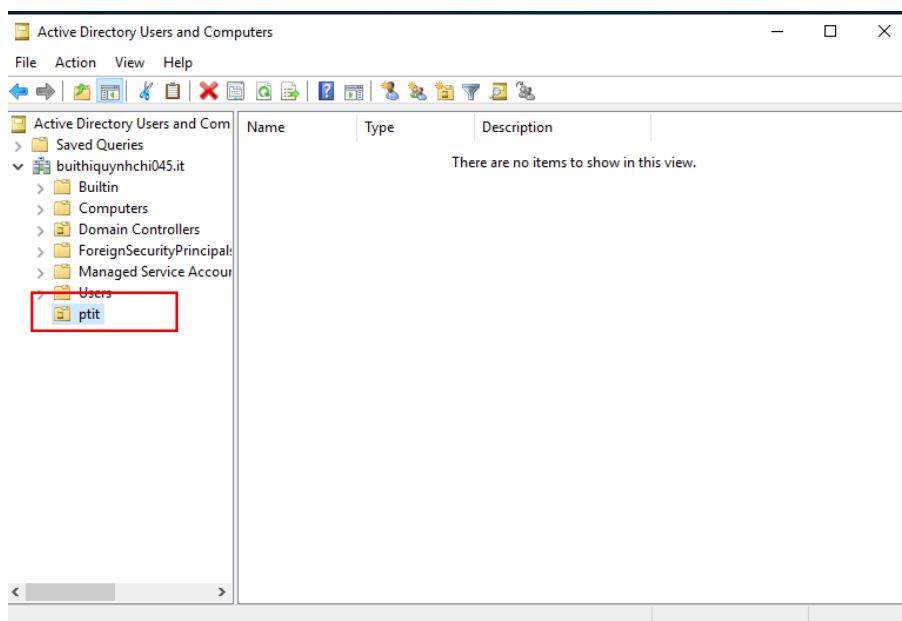


Tạo OU: Active Direstory Users and Computers -> qtm.it, sau đó ấn chuột phải chọn New -> Organizational Unit



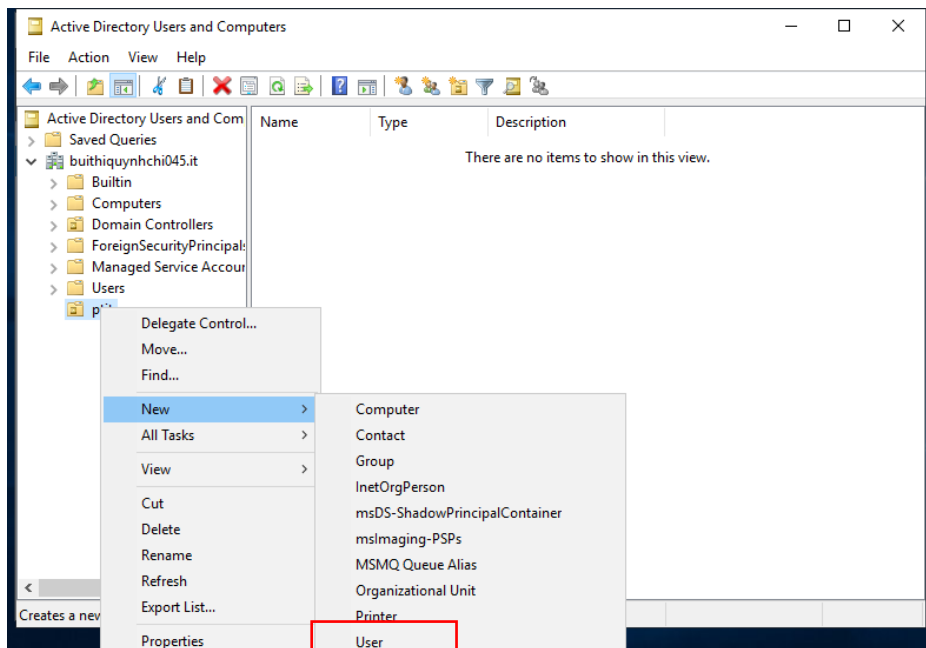


Ta đã thấy OU mới có tên là ptit

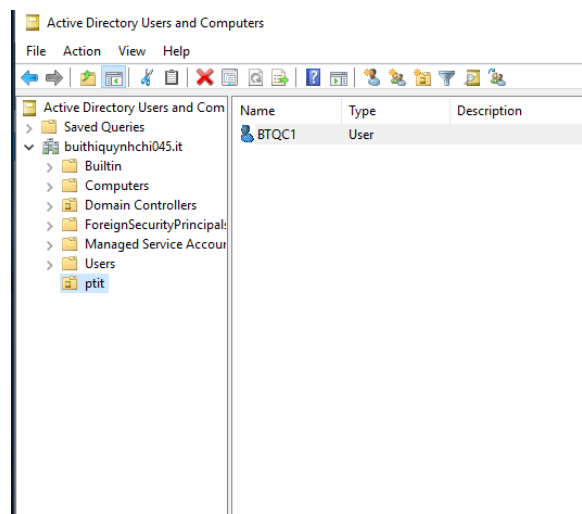
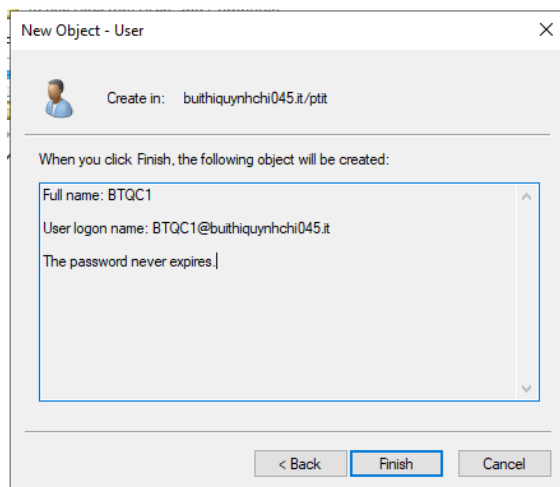
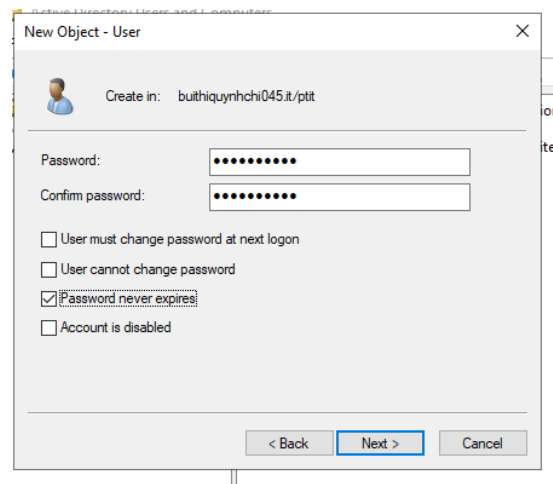
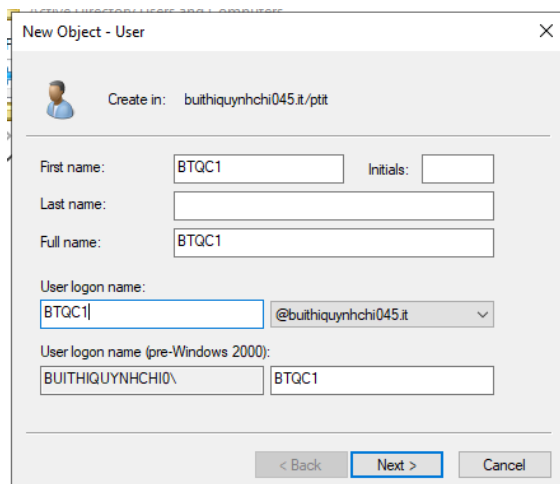


□ Tạo các user thuộc OU

Tại OU ptit -> chuột phải chọn New -> User



Tạo user có tên là BTQC1



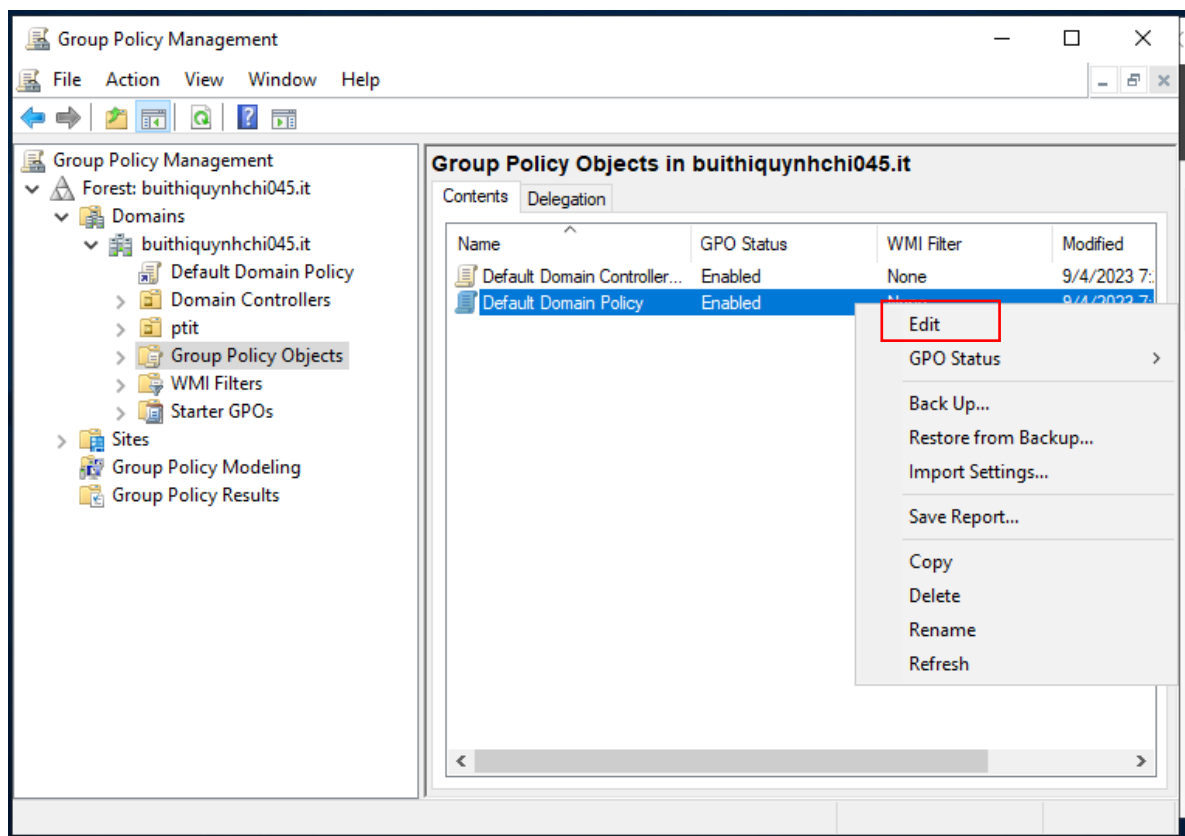
Đã tạo xong user BTQC1 thuộc OU ptit

Các lựa chọn cho mật khẩu:

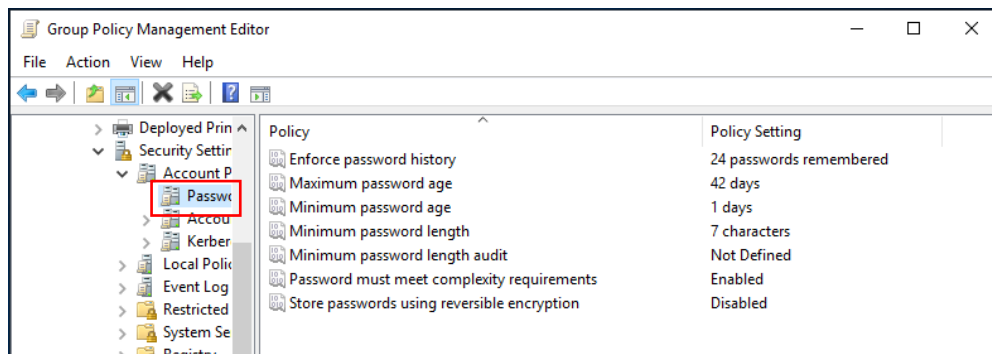
- User must change password at next login: người dùng phải thay đổi mật khẩu khi đăng nhập vào
- User cannot change password: người dùng không thể thay đổi mật khẩu
- Password never expires: Mật khẩu không bị hết hạn
- Account is disabled: tài khoản bị vô hiệu

\* Thiết lập chính sách user và password

- Trong Server Manager vào Tools chọn Group Policy Management.
- Chính sách password: Group Policy Management -> Forest -> Domains -> cdit.com.vn -> Group Policy Objects -> Default Domain Policy -> chuột phải chọn edit



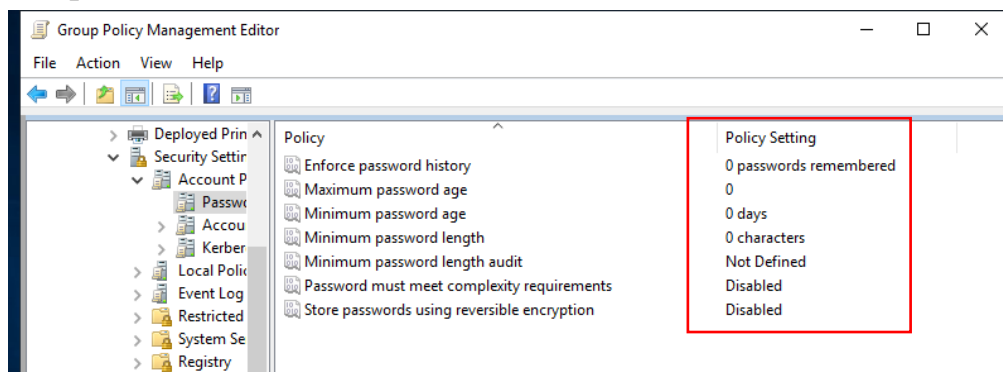
- Tại Group Policy Management Editor: Computer Configuration -> Policies -> Windows Settings -> Security Settings -> Account Policies -> Password Policy



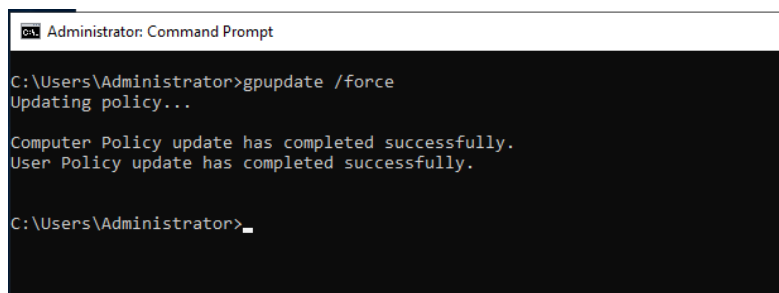
Trong đó:

- Enforce password history: số password hệ thống lưu trữ
- Maximum password age: thời gian có hiệu lực tối đa của một password
- Minimum password age: thời gian có hiệu lực tối thiểu của một password.
- Minimum password length: độ dài tối thiểu của một password
- Password must meet complexity requirements: yêu cầu password phức tạp.
- Store passwords using reversible encryption: độ mạnh của password.

Chỉnh password về dạng không phức tạp, giảm số lượng ký tự và giảm độ mạnh của password



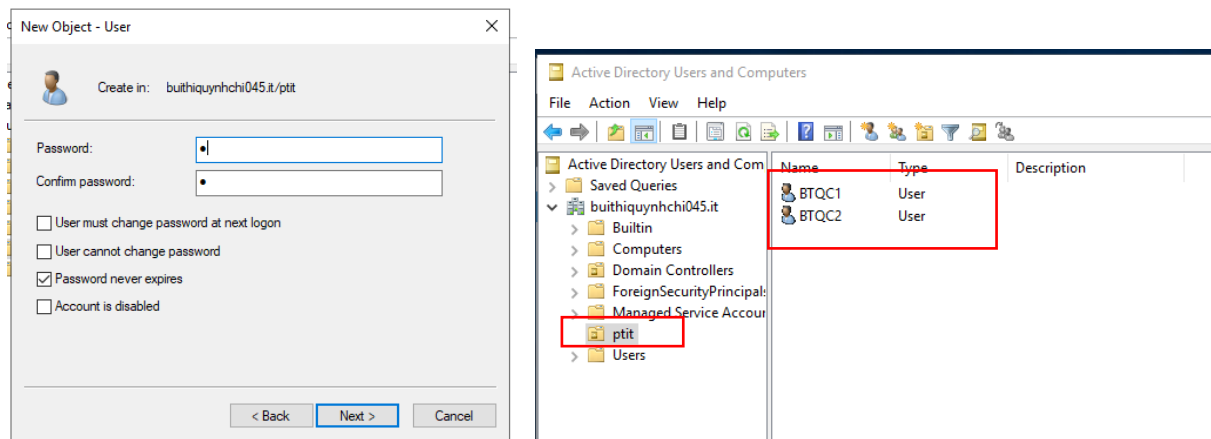
☐ Lưu chính sách lại: cmd -> gpupdate /force.



☐ Kết quả: tạo user trong OU ptit



Tạo User: BTQC2; password: 1 -> OK.

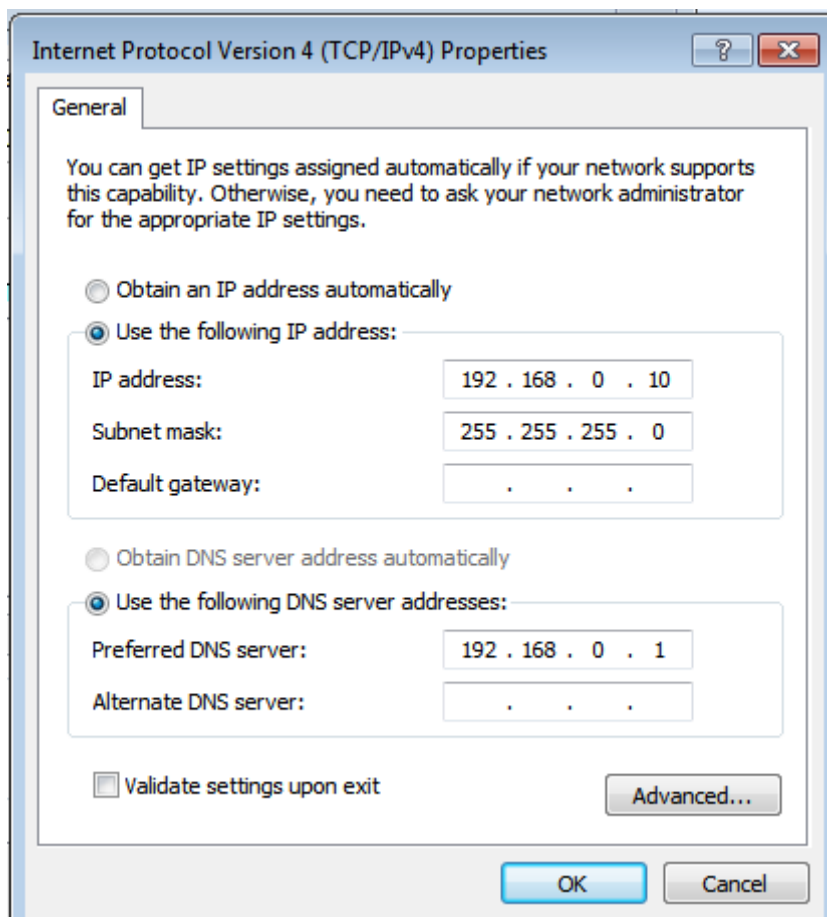


\* Phân quyền người dùng.

- Dùng 1 máy Windows 7 làm máy client

Cấu hình join domain để máy Windows 7 trở thành client

Cấu hình địa chỉ IP cho máy Windows 7, với DNS là IP của máy Windows Server



## Kiểm tra sự thông nhau giữa 2 máy Windows 7 với Windows Server 2019

```
C:\Windows\system32\cmd.exe
Microsoft Windows [Version 6.1.7601]
Copyright (c) 2009 Microsoft Corporation. All rights reserved.

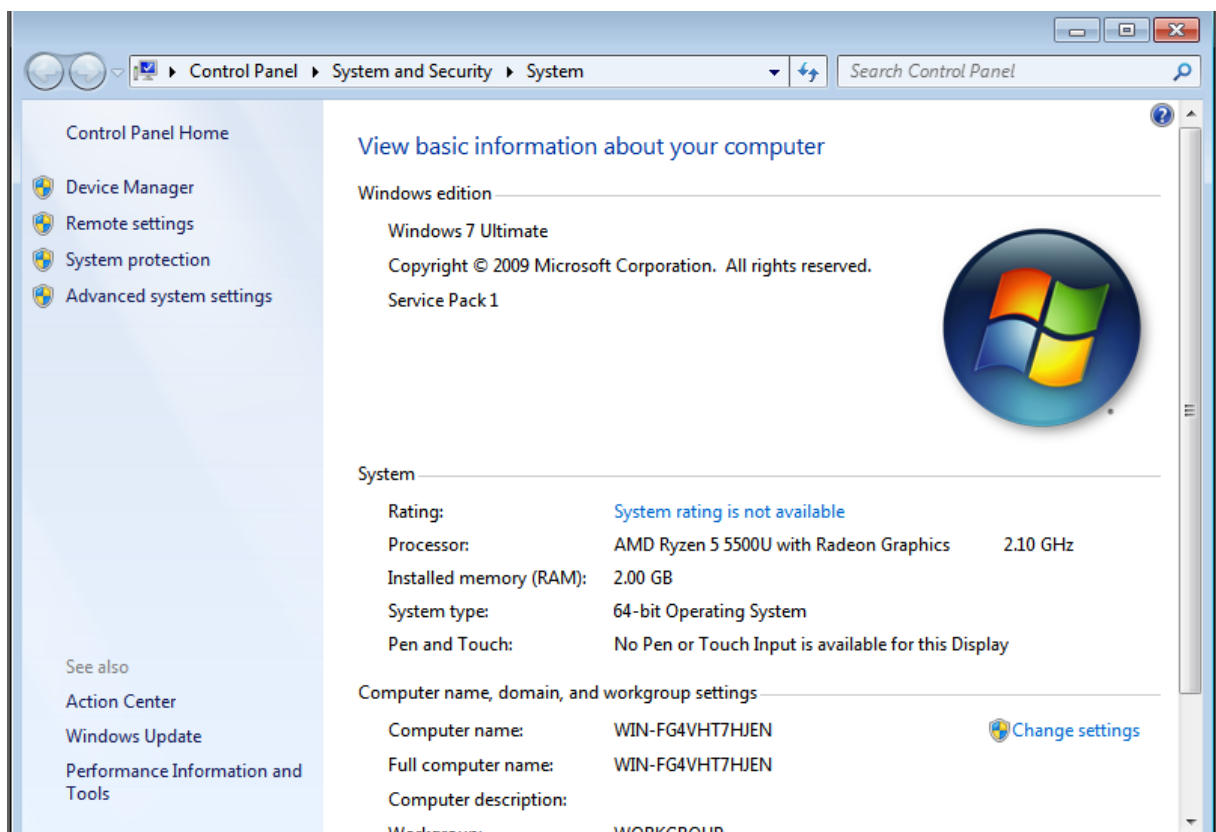
C:\Users\win7>ping 192.168.0.1

Pinging 192.168.0.1 with 32 bytes of data:
Reply from 192.168.0.1: bytes=32 time=1ms TTL=128
Reply from 192.168.0.1: bytes=32 time<1ms TTL=128
Reply from 192.168.0.1: bytes=32 time<1ms TTL=128
Reply from 192.168.0.1: bytes=32 time<1ms TTL=128

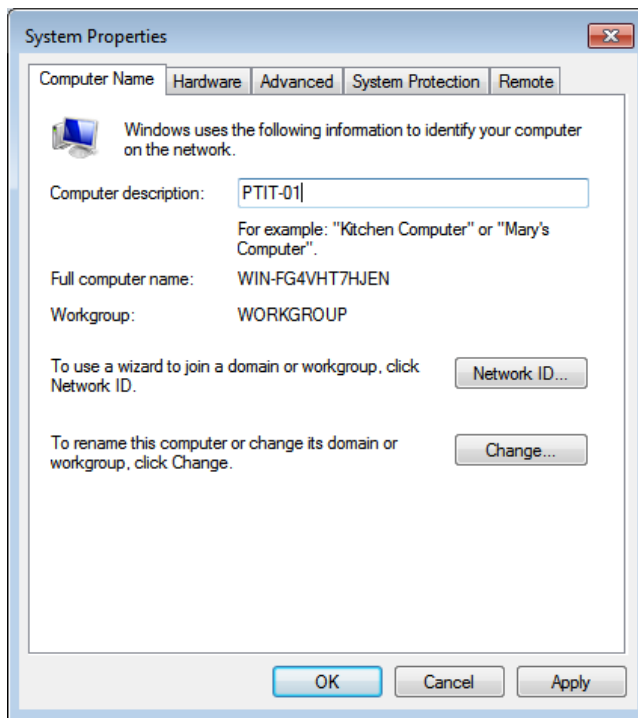
Ping statistics for 192.168.0.1:
    Packets: Sent = 4, Received = 4, Lost = 0 (0% loss),
    Approximate round trip times in milli-seconds:
        Minimum = 0ms, Maximum = 1ms, Average = 0ms

C:\Users\win7>
```

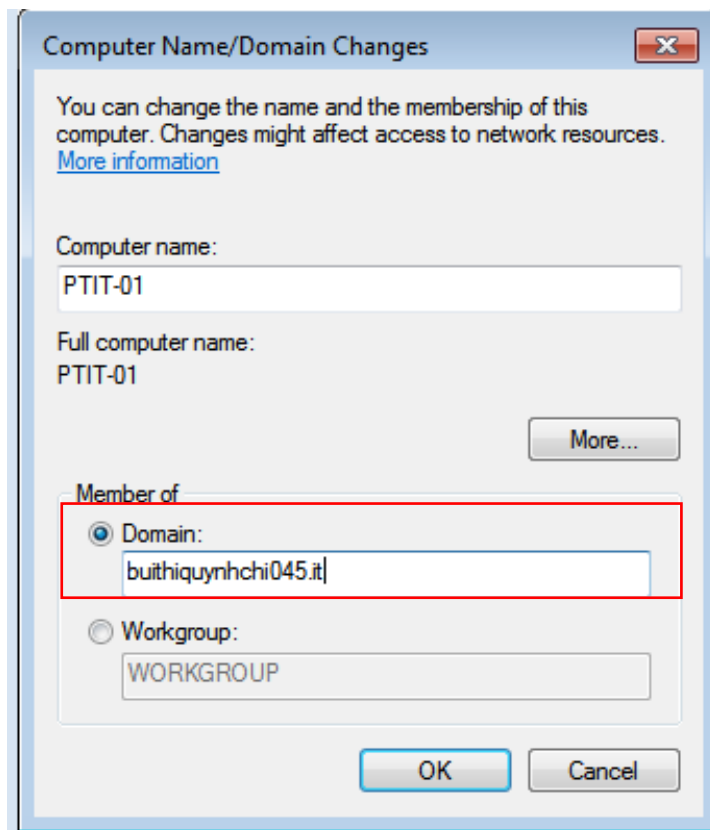
Tại Computer -> chuột phải chọn Properties -> chọn Advanced system settings



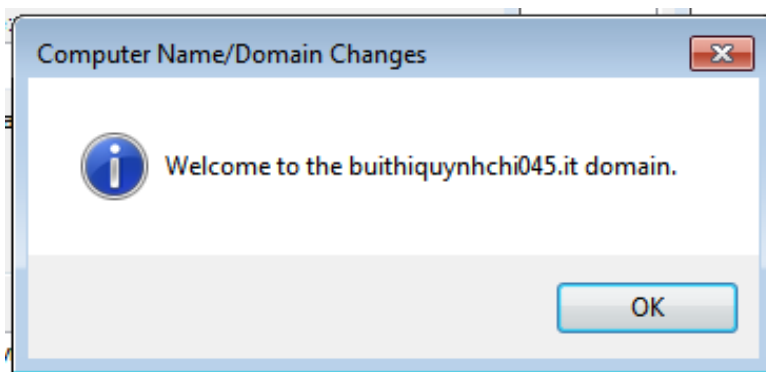
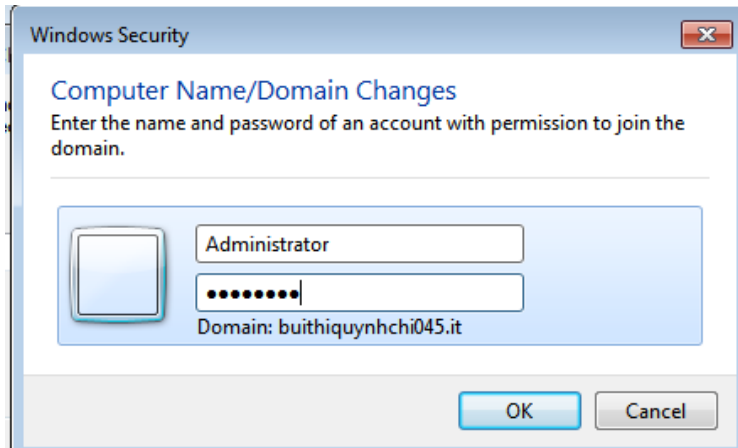
Tại tab Computer Name -> change



Tại Member of chọn Domain ☐ nhập tên domain muốn join vào ☐ click OK

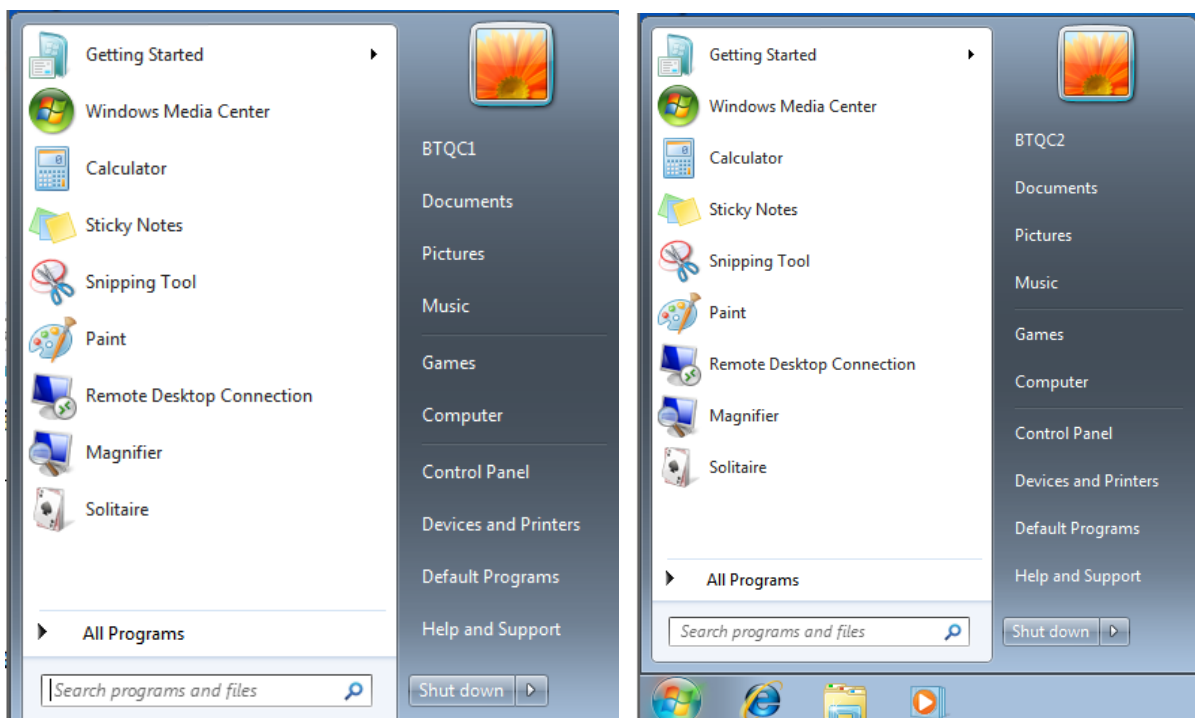


Nhập user và pass của máy domain Windows Server 2019 □ Click Ok



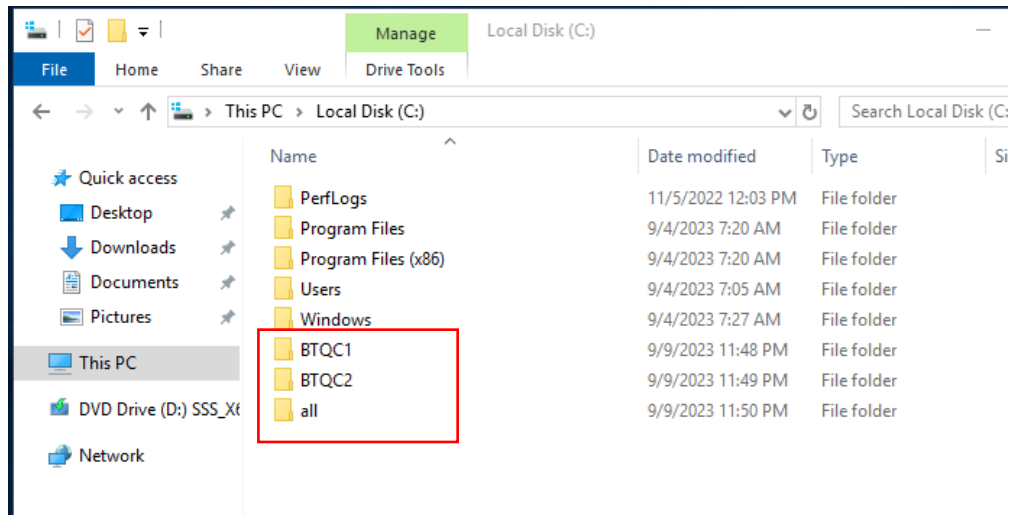
Restart now để máy khởi động lại □ quá trình join domain hoàn tất

□ Đăng nhập máy Client bằng user u1 và u2 đều được

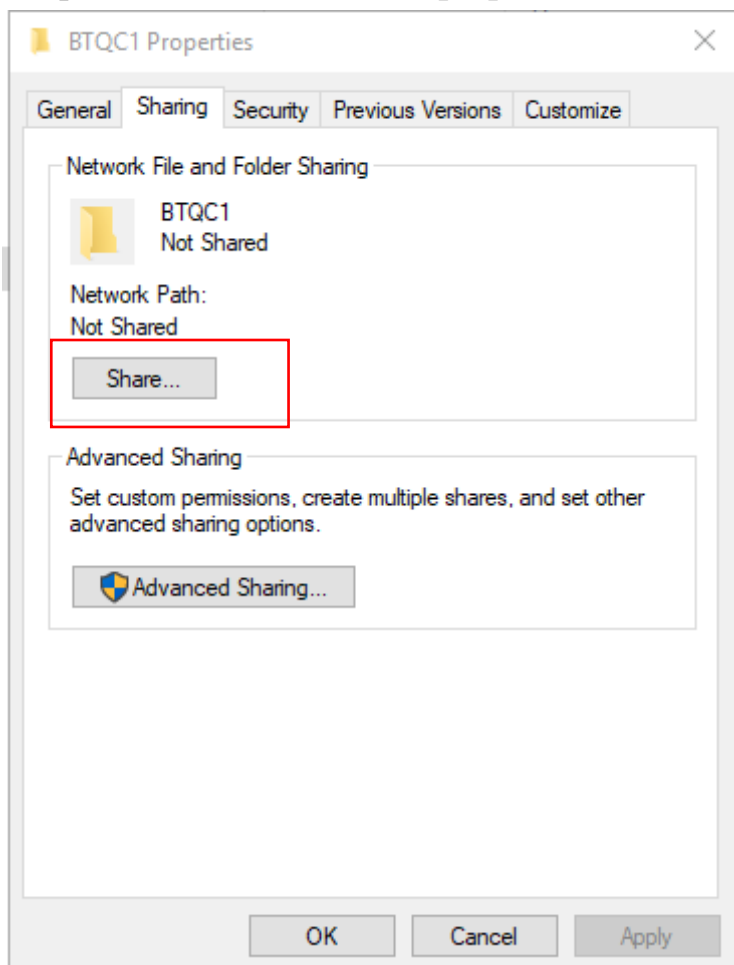


\* Phân quyền đăng nhập

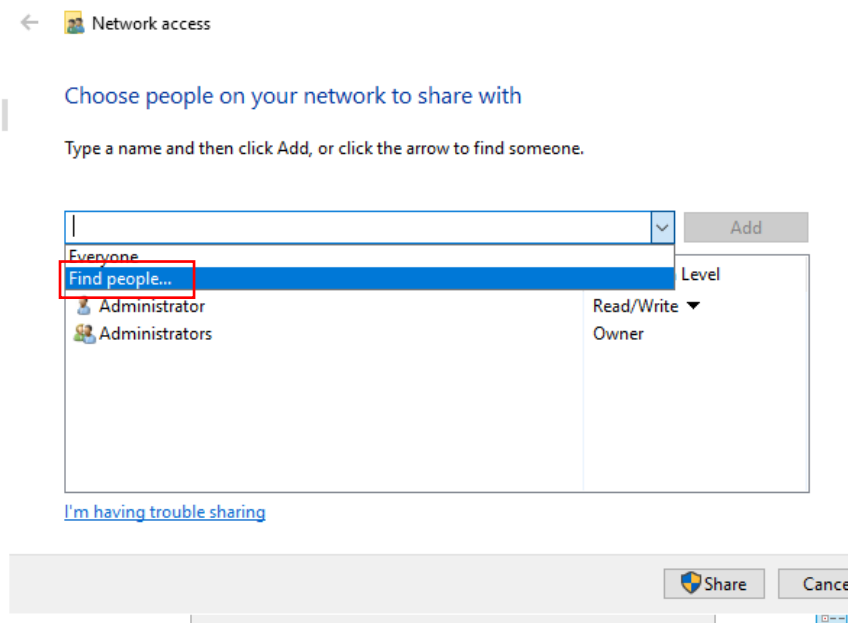
- Tại máy Windows server tạo 3 folder BTQC1, BTQC2, all
  - o Folder BTQC1 chỉ cho user stu1 truy cập
  - o Folder BTQC2 chỉ cho user stu1 truy cập
  - o Folder all cho cả 2 users BTQC1 và BTQC2 truy cập



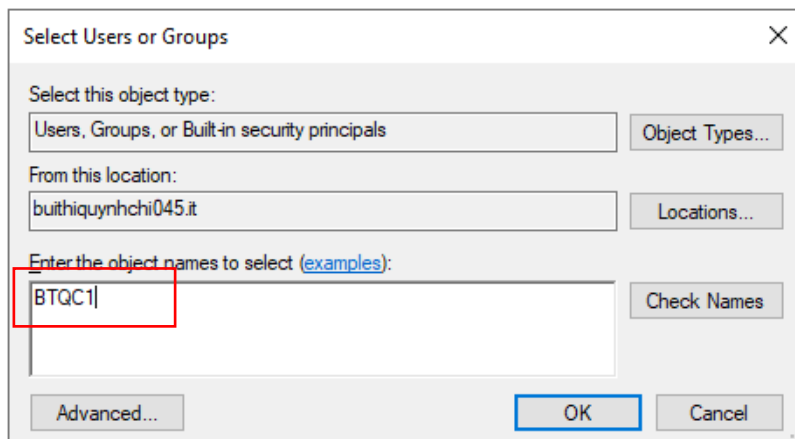
- Chia sẻ folder stu1, và phân quyền chỉ cho user stu1 được truy cập: ấn chuột phải vào folder stu1 chọn properties -> sharing



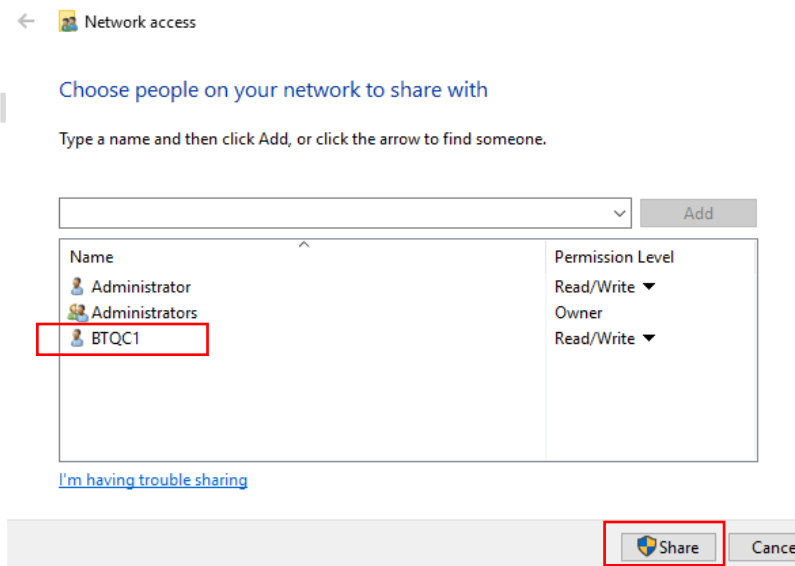
## Chọn Find people...



## Nhập ô check names: BTQC1



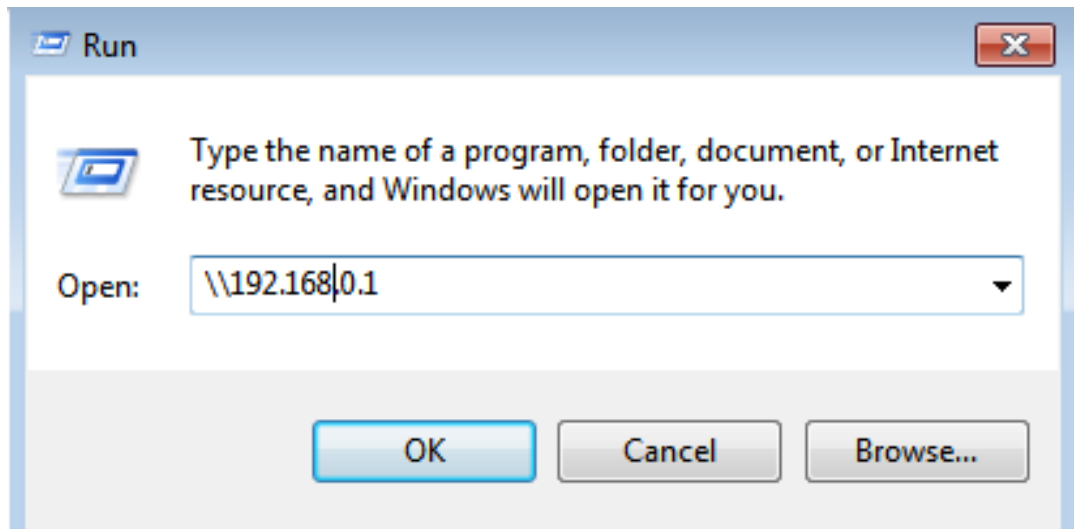
Sau khi tìm ra tài khoản stu1 ☐ ấn share ☐ ấn done. Làm tương tự cho folder stu2 và all.



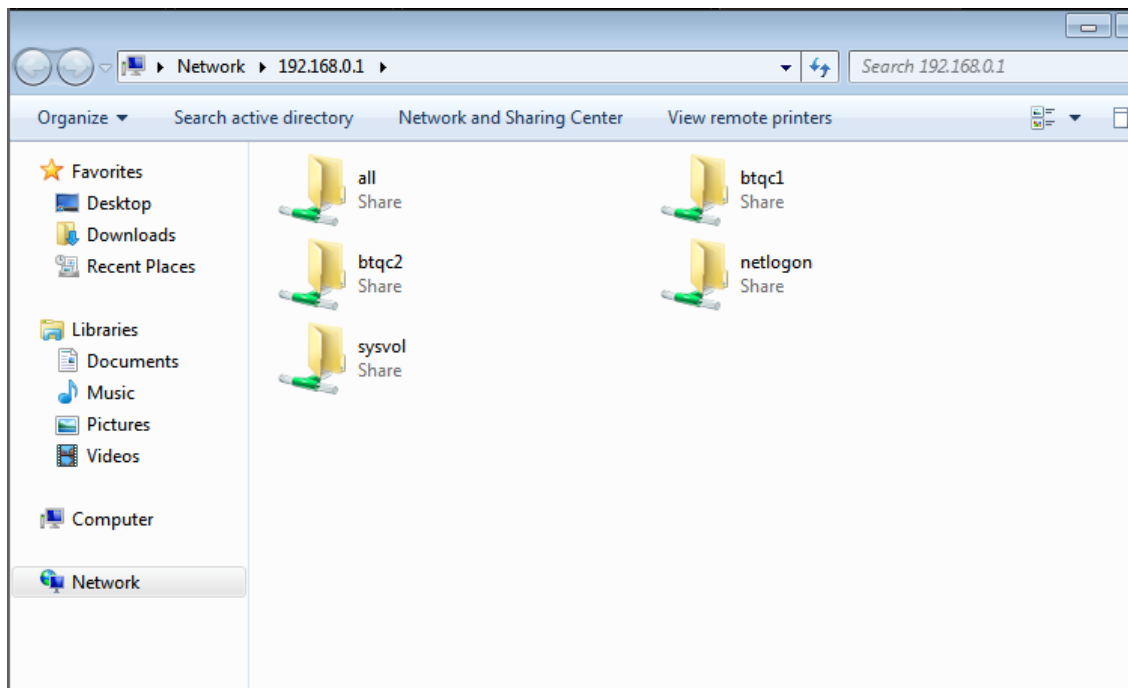
\*)Kiểm tra:

Đăng nhập máy windows 7 bằng user THP1.

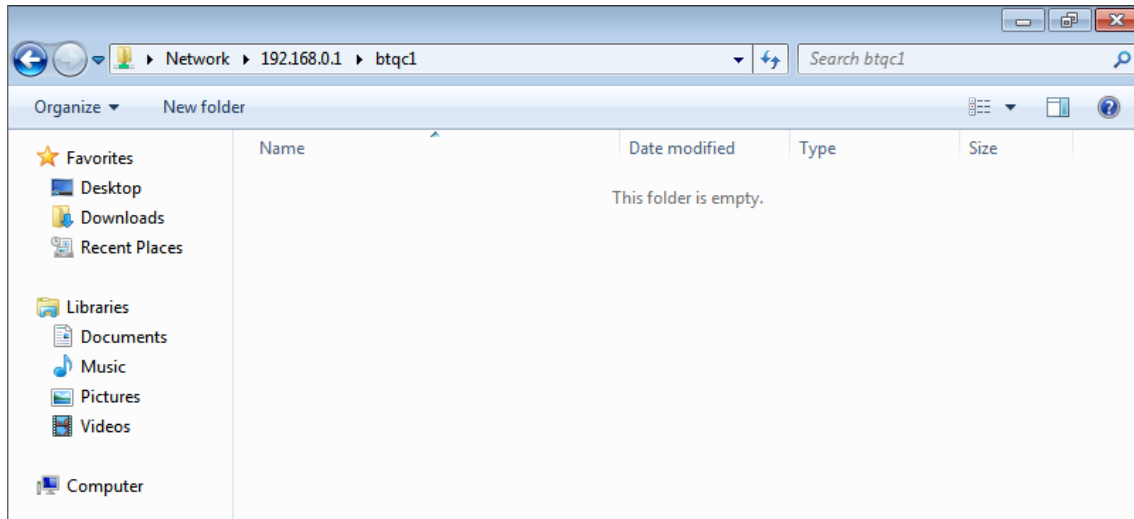
Truy nhập vào máy Windows Server



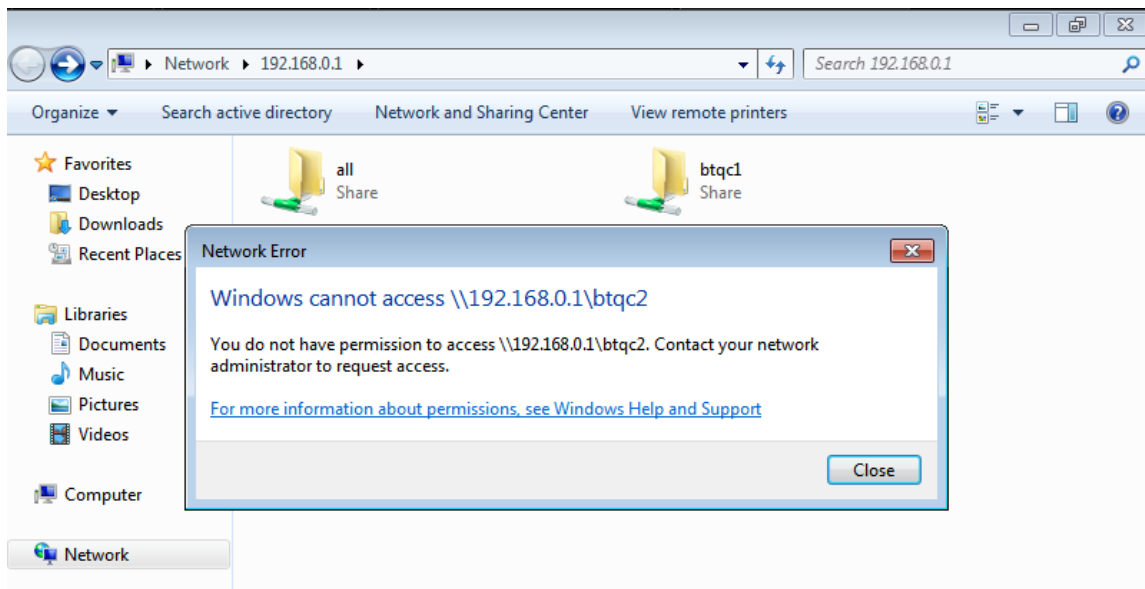
Thấy cả 3 folder được chia sẻ là btqc1, btqc2, all



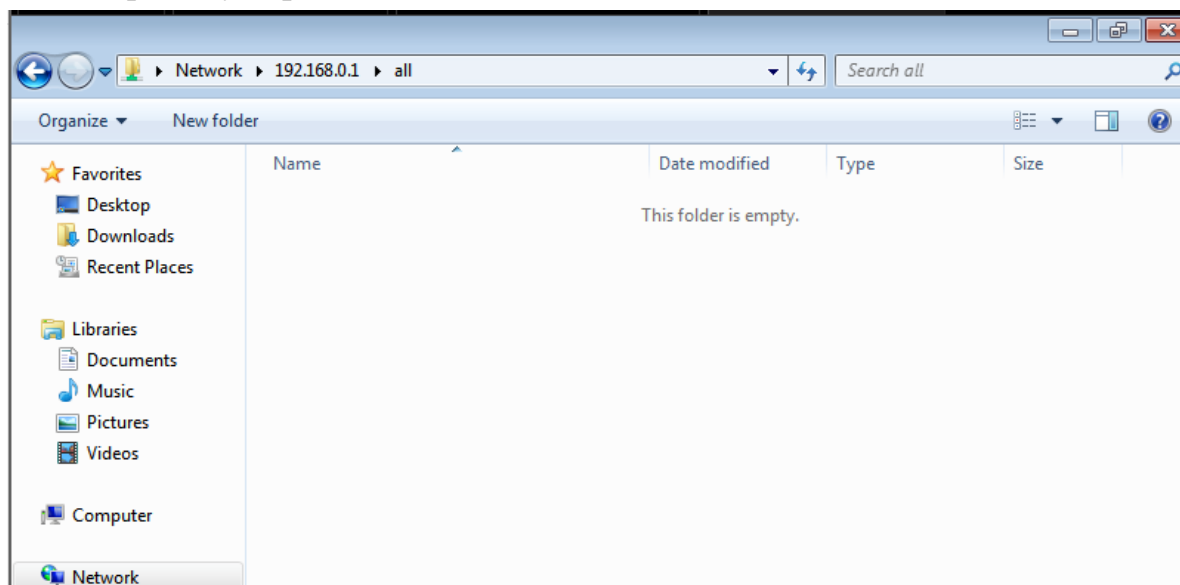
User btqc1 truy cập vào folder btqc1 => ok



User btqc1 không truy cập được vào folder btqc2



User btqc2 truy cập được vào folder all

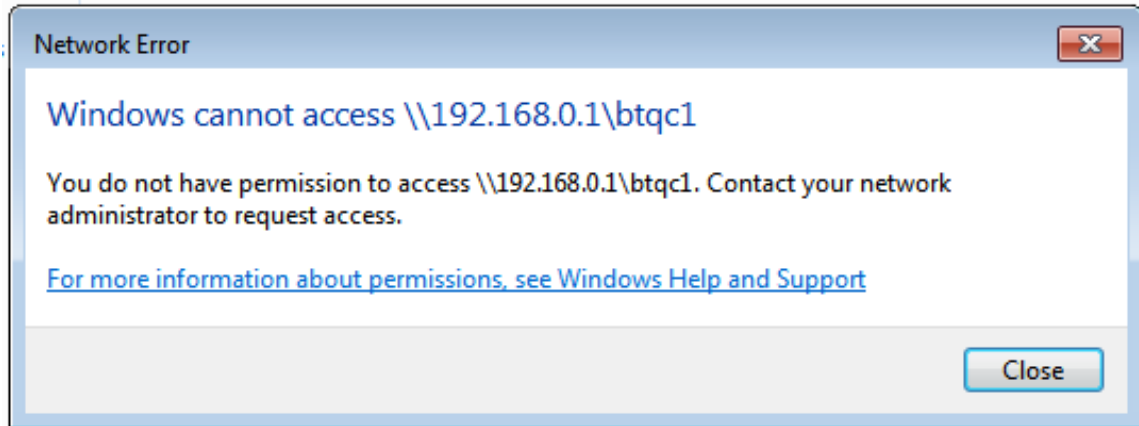




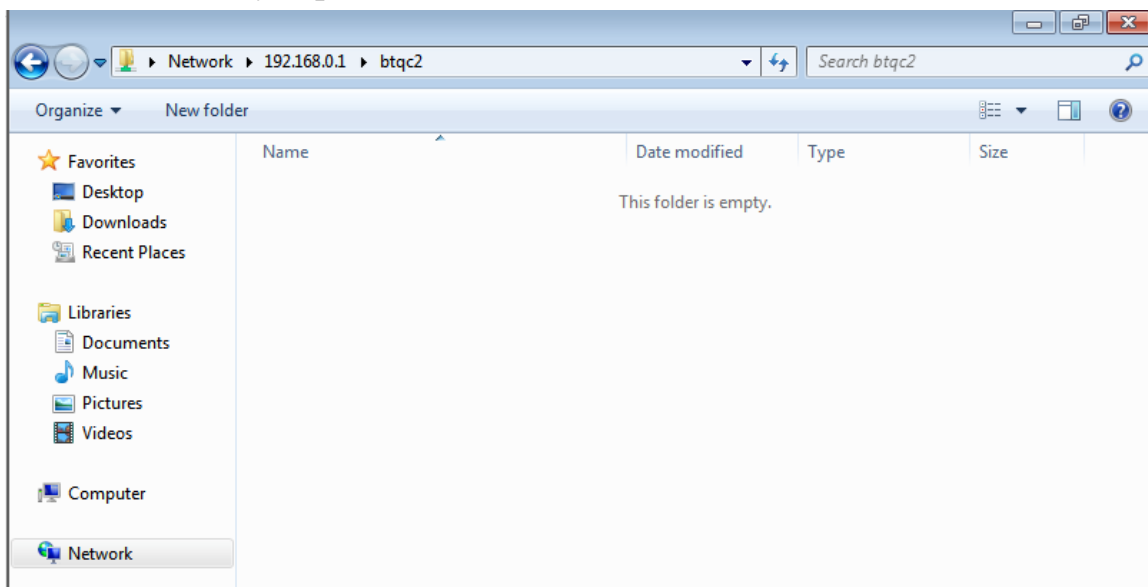
Tiếp theo ta đăng nhập bằng user BTQC 2 và kiểm tra

Kết quả ta cũng sẽ không truy cập được BTQC1, còn BTQC2 và all sẽ truy cập bình thường

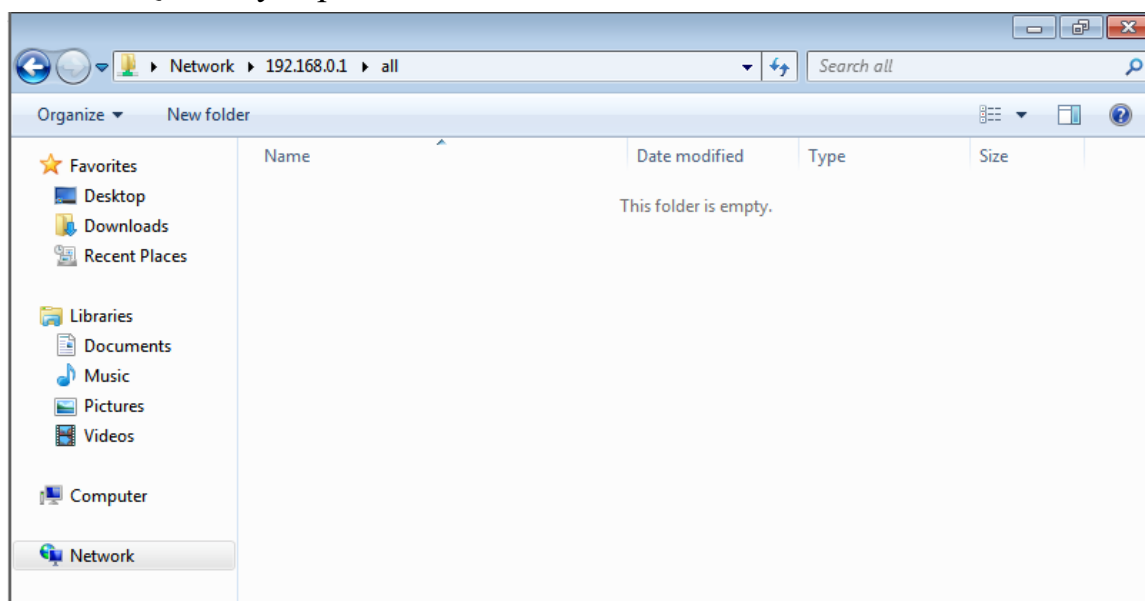
User BTQC2 không truy cập được vào BTQC1:



User BTQC2 truy cập được vào BTQC2:



User BTQC2 truy cập được vào all:



→ Kết quả: Tạo, phân quyền thành công OU, users và chia sẻ thành công tài nguyên.